

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2020

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hà Văn Châu.

2/. Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị H, địa chỉ: Số BHK/MHA đường TĐT, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Đình T, địa chỉ thường trú: Số 420/12A đường Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ tạm trú: Phòng 16 nhà trọ Phi Hải, hẻm 322 đường Tôn Đức Thắng, khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 và lời trình bày của bà Sơn Thị H tại phiên tòa thì:

Bà Sơn Thị H và ông Lê Đình T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh

Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung là cháu Lê Sơn Hoài B (nam, ngày 09/10/2010) đang sống chung với bà H tại nhà số BHK/MHA đường TĐT, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng không có nợ chung.

Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Lê Đình T thường xuyên ăn nhậu và có hành vi thiếu tôn trọng bà Sơn Thị H; từ tháng 10/2019 thì ông bà không còn sống chung cho đến nay. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T và trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung thì ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số MBB, quyền số 0M/20MK thể hiện bà H và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 27/9/2010; một bản sao Giấy khai sinh thể hiện cháu Lê Sơn Hoài B (nam, ngày 09/10/2010) là con chung của bà H, ông T.

- Theo lời trình bày của ông Lê Đình T tại phiên tòa thì:

Ông Lê Đình T thống nhất với lời trình bày của bà Sơn Thị H về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T thừa nhận vợ chồng thường hay cãi vã nhau và không còn sống chung từ tháng 10/2019 đến nay, nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn với bà H. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H thì ông T đồng ý giao cháu Lê Sơn Hoài B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung thì ông T đồng ý tự thỏa thuận với bà H.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các tình tiết đã được các bên thống nhất: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Các tình tiết các bên không thống nhất: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn thừa nhận ý kiến trình bày của nguyên đơn về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung và hai bên không còn sống chung từ tháng 10/2019 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Sơn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Đình T và ông T cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo các tình tiết đã được các bên thống nhất và không phải chứng minh, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Bà Sơn Thị H và ông Lê Đình T xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số MBB, quyển số 0M/20MK nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2] Sau thời gian chung sống thì bà H, ông T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau; từ tháng 10/2019 thì vợ chồng không còn sống chung đến nay, không chăm lo, chăm sóc lẫn nhau. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà H ly hôn với ông T.

[2.3] Về con chung, yêu cầu nuôi con của bà H được ông T thống nhất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Lê Sơn Hoài B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Ông Lê Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị H phải chịu là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị H:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Bà Sơn Thị H được ly hôn với ông Lê Đình T.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Sơn Hoài B (nam, ngày 09/10/2010) cho bà Sơn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Đình T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Sơn Hoài B.

Ông Lê Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Sơn Hoài B theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung: Bà Sơn Thị H và ông Lê Đình T tự thỏa thuận nên không giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Bà Sơn Thị H và ông Lê Đình T tự khai không có nên không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009524 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Sơn Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Bà Sơn Thị H, ông Lê Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương